

CHÚNG SANH VÔ BIÊN THỆ NGUYỆN ĐỘ

Pháp sư: HT. TỊNH KHÔNG

Tứ hoảng thệ nguyện

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành

Cổ nhân nói: “ruộng dâu hóa biển”, “vạn pháp vô thường”, người học Phật chúng ta không thể không thấu rõ. Kinh điển dạy rất nhiều, đức Phật là bậc trí tuệ viên mãn đã chỉ dạy, cương lĩnh đơn giản nhất cũng chính là nguyên tắc quan trọng nhất mà chúng ta thường niệm “tứ hoảng thệ nguyện” chính là phương pháp tu hành. Chỉ có bốn câu dễ nhớ nhưng người học Phật lại luôn xem thường, miệng niệm hằng ngày, biến thành câu cửa miệng tầm thường nhưng không hề tư duy ý nghĩa của nó, cũng không hề nghĩ mình phải làm thế nào cho đúng. Sai lầm này là do chúng ta, không phải Phật Bồ Tát.

Câu thứ nhất của tứ hoảng thệ nguyện dạy phát tâm. Chúng ta học Phật đã phát tâm chưa? Mấy mươi năm chúng tôi đi qua rất nhiều vùng và nhiều nước, gặp không biết bao nhiêu bạn đồng tu, nhưng người phát tâm chân chính quả thật hiếm thấy. Một vạn người, không có được một người phát tâm. Họ đều biết niệm “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ” nhưng trên thực tế lại không có tâm độ chúng sanh, khởi tâm động niệm vẫn vì chính bản thân mình. Hay nói cách khác, vẫn là tự tư tự lợi, không hề nghĩ đến chúng sanh. Ngày nào cũng niệm câu này, nhưng đó chỉ là niệm suông.

Nếu lấy “tứ hoảng thệ nguyện” làm tiêu chuẩn suy xét, chúng ta sẽ thấy rõ ràng chư Phật Bồ tát, các tổ sư đại đức khởi tâm động niệm đều vì chúng sanh tận hư không, khắp pháp giới. Chúng ta muốn phát nguyện độ chúng sanh ở một phương, nguyện này rất nhỏ. Độ chúng sanh ở giới hạn một khu vực mình đang sống, thậm chí hành tinh mình đang tồn tại, tâm lượng đó vẫn nhỏ hẹp, trong khi thái hư không là vô lượng vô biên. Mới độ chúng sanh trên một quả đất thì có đáng gì so với lời Phật dạy “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”.

Độ như thế nào?

Chúng sinh tận hư không khắp pháp giới, chúng ta đều phải độ. Vậy chữ “độ” này có ý nghĩa gì? Nếu dùng ngôn ngữ hiện đại, thì “độ” là quan tâm, yêu quý, dốc lòng dốc sức giúp đỡ. Chúng ta có bao giờ thật sự phát tâm quan tâm giúp đỡ mọi người trong xã hội? Người học Phật phải dựa vào lương tâm để tự chất vấn điều này. Được mấy người đã từng phát tâm quan tâm? không cần bàn đến việc quan tâm tận hư không khắp pháp giới, mà chỉ cần quan tâm thế giới này, quan tâm đến một quốc gia, một vùng, một thành phố? Có được mấy người khởi tâm động niệm quan tâm đến xã hội, quan tâm người khác? Nếu không phát tâm như vậy, người đó là phàm phu, chưa học Phật, còn mê không giác, và dĩ nhiên chưa giác ngộ.

Người giác ngộ, mỗi niệm đều vì chúng sinh, vì xã hội, trong khi người mê thường nghĩ cho bản thân. Người xuất gia nếu mỗi niệm đều vì chùa nhỏ của mình thì cũng không khác gì người tại gia chỉ nghĩ cho bản thân, gia đình mình. Tâm trạng như vậy mà học Phật, tu vô lượng kiếp vẫn là phàm phu, vẫn đi trong sáu nẻo luân hồi, không ra khỏi ba cõi.

Tu hành như thế nào?

Muốn tu hành công phu tiến bộ, muốn có thể giảm bớt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cổ đức đã dạy: “nhiệm vụ tu hành, phát nguyện là đầu”. Việc trước tiên là phải phát nguyện, phát tâm, và học Phật. Chư Phật Bồ Tát mỗi niệm vì tất cả chúng sinh hư không pháp giới, không phải chỉ vì một cõi nước của Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni không chỉ phát tâm vì thế giới Ta Bà. Chúng ta học Phật cũng cần phải bắt đầu học từ chỗ này, thì công phu sẽ tiến bộ.

Lão cư sĩ Lý Bình Nam thường dạy bảo chúng ta phải “chuyển tâm”. “Chuyển tâm” là thay đổi quan niệm, thay đổi cách nghĩ, cách nhìn. Một số người sẽ hoang mang, chẳng lẽ từ nay về sau không nghĩ đến bản thân mà chỉ nghĩ đến người khác, nghĩ đến xã hội, vậy có hoàn toàn nên không? Ngạn ngữ rằng: “người không vì mình, trời tru đất diệt”, vậy người không vì bản thân thì có lỗi gì?

Vì sao đức Phật nhất định không cho phép chúng ta vì mình? Kinh Bát Nhã nói “thực tướng các pháp”, nếu dùng ngôn ngữ hiện đại thì “thực tướng các pháp” là chân tướng của vũ trụ nhân sinh, người thông thường gọi là chân lý. Đức Phật căn cứ vào chân lý chân tướng sự thật mà nói, chúng ta chắc chắn có thể tin, có thể tiếp nhận. Vậy chân tướng của sự thật là gì? sáu đường không thật, mười pháp giới cũng không thật. Trong kinh Kim Cang có

câu: “những thứ có hình tướng đều là hư dối”, lại nói: “tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn, bèo bọt”. Vậy cái gì là pháp hữu vi? Quyển Bách Pháp Minh Môn Luận có giải thích rất rõ về “nhất thiết hữu vi pháp”.

Bồ Tát Thiên Thân đại từ đại bi lấy 660 pháp trong Du Già Sư Địa Luận do Bồ Tát Di Lặc thuyết. Bồ tát Thiên Thân đem tất cả vạn pháp vũ trụ nhân sinh quy nạp thành 660 loại, thuận tiện giảng giải, giới thiệu cho mọi người. Tuy nhiên, người mới học Phật sẽ tiếp nhận một cách khó khăn. Cho nên bồ tát đem 660 pháp quy nạp tiếp thành một trăm loại, gọi là bách pháp. Một trăm loại này khi triển khai chính là tất cả pháp vũ trụ, là vạn pháp. Nói cách khác, tuy là một trăm loại nhưng trên thực tế là vô lượng vô biên. Trong một trăm loại lại chia thành năm loại lớn

- Thứ nhất là “tâm pháp”, chúng ta thường nói tám tâm vương.
- Thứ hai là “tâm sở pháp”, nói tác dụng tâm lý.
- Thứ ba là “sắc pháp”, chỉ vật chất.
- Thứ tư là “tâm bất tương ưng hành pháp”, nếu dùng cách nói hiện đại thì đó là khái niệm trừu tượng, tuy giả nhưng có những sự tướng không thể không thừa nhận.
- Thứ năm là “vô vi pháp”

Bốn loại đầu gồm tổng cộng 94 pháp, đều gọi “pháp hữu vi”. Ý nghĩa “hữu vi” là có sinh có diệt mà nhà Phật dạy là không thật, giả dối. Cái thật là không sinh không diệt. Sáu cõi luân hồi có sinh có diệt; mười pháp giới gồm Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật cũng có sinh có diệt. Phật có sinh có diệt, cũng không phải là thật. Nên nhớ Phật này là Phật của mười pháp giới. Vậy chỗ nào mới là không sinh không diệt? Đó chính là “nhất chân pháp giới”. Vậy “nhất chân pháp giới” ở đâu?

Kinh Hoa Nghiêm chỉ cho chúng ta thế giới Hoa Tạng của Phật Tỳ Lô Giá Na là “nhất chân pháp giới”. Phật lại bảo, “thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng là nhất chân pháp giới”. Kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà cũng nói, người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, ai ai cũng đều thọ vô lượng, không có sinh diệt. Chúng ta vãng sanh đến Tây Phương cực lạc, không phải từ nhỏ dần dần trưởng thành người lớn. Nếu từ nhỏ dần dần lớn lên, đó là có sinh có diệt. Người thế giới Tây phương là hóa thân, thân hình không khác với Phật A Di Đà, cao lớn, trang nghiêm như nhau. Thế giới đó rất kỳ lạ, đó là không sinh không diệt, là nhất chân pháp giới.

Thế giới này của chúng ta là hư dối. Đã giả thì phải vứt bỏ, phải buông bỏ nó. Vứt bỏ và buông bỏ không phải trên việc làm mà bỏ ở trong tâm. Trong tâm dứt khoát không dính mắc, tức là không phân biệt, không nắm giữ, được đại tự tại trong tất cả pháp. “Nhìn thấu” đối với những chân tướng sự thật này, sáng tỏ thật sự, hiểu rõ thật sự, sau đó y chánh trang nghiêm mười pháp giới. Cần nhớ kỹ, trong mười pháp giới bao gồm lục đạo luân hồi y chánh trang nghiêm, sự lý nhân quả đều phải sáng tỏ, đều hiểu rõ.

“Buông xả” là không còn phân biệt, cũng không nắm giữ. Vào được cảnh giới này thì chính bản thân chúng ta được đại tự tại. Thân thể tuy ở trong thế gian nhưng có thể hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức, tùy duyên du hí thần thông, sống đời sống của Phật Bồ Tát, không còn đời sống của phàm phu. Đời sống phàm phu rất khổ não trong khi đời sống của Phật Bồ Tát tự tại, vui vẻ dường nào. Nhà Phật thường nói: “Phá mê khai ngộ, là khổ được vui”. Tất cả khổ đều do không hiểu rõ chân tướng sự thật, không biết nhân quả, chỗ phát sinh ra những sự lý này. Khi đã thông suốt thì tự tại vô cùng, khổ não được nhổ sạch đến tận gốc rễ. Những lời này tuy nói rất dễ, nghe cũng rất rõ nhưng hầu như chưa ai trong chúng ta thực hiện được. Vì nếu lĩnh hội triệt để thì đâu có chuyện không nhìn thấu. Kinh Phật mô tả, thời ấy Thế Tôn thuyết pháp, trong hàng đệ tử của ngài thậm chí chưa nghe xong một bộ kinh đã có người khai ngộ, có người chứng quả. Chúng tôi giảng ở đây mấy phút như vậy, nếu ai đó nghe hiểu sẽ liền khai ngộ, và khi thật sự đã buông xả, thì liền chứng quả. Pháp hội này so với Phật Thích Ca Mâu Ni ngày ấy không có gì khác. Nghe giảng rồi vẫn chưa làm được, điều đó chứng tỏ chúng ta còn chưa hiểu, cho nên cần phải nghe nhiều. Chúng tôi thường nhắc nhở các bạn đồng tu, nếu muốn thành tựu đích thực ngay trong đời này, thì phải biết một bí quyết, đó là: “Một môn thâm nhập, huân tu lâu dài”. Việc học, đáng sợ nhất là học quá nhiều, quá tạp, khi ấy muốn thành tựu cũng khó hy vọng.

Dựa vào cương lĩnh Giới Định Tuệ, chuyên trì danh hiệu Phật

Đức Phật dạy bảo chúng ta tu hành có ba cương lĩnh lớn, đó là tam học Giới, Định, Tuệ. Do giới được định. Giới là phương pháp, thủ pháp, tuân thủ phương pháp của Phật mà tu, gọi là giữ giới, trì giới. Tuân thủ phương pháp tu học thì sẽ dễ dàng được định. Định lâu sẽ khai trí tuệ. Thử nghĩ, tu một pháp môn dễ dàng được định hay tu thật nhiều pháp môn dễ được định? Nhiều bạn đồng tu dụng công rất nhiều, rất nỗ lực hành thời khóa sớm tối, tụng rất nhiều bộ kinh, thuộc nhiều chú, và biết bao nghi thức quy tắc khác,

nói chung bận bịu tíu tít trong hai giờ như không thể nào bận hơn được. Tu hành như vậy mấy mươi năm, thành thật mà nói, vẫn không bằng người niệm một câu A Di Đà Phật miên mật chỉ trong vài tháng. Chuyên tâm niệm một câu A Di Đà Phật, không nghi ngờ, không xen tạp, không gián đoạn, chỉ cần ba tháng là tâm tự tại mát mẻ. Còn hơn người mỗi ngày niệm mấy mươi bộ kinh chú, niệm tất cả các danh hiệu chư Phật Bồ Tát suốt mấy mươi năm, nhưng tâm vẫn loạn động như thường.

Chúng tôi đã khuyên nhiều vị đồng tu niệm một vị Phật A Di Đà, họ không dám tiếp nhận vì băn khoăn rằng: "Tôi niệm biết bao nhiêu Phật Bồ Tát trong nhiều năm, bây giờ không niệm các ngài, các ngài sẽ trách". Như vậy họ sợ đắc tội. Quan niệm này hoàn toàn sai lầm. Nghĩ như vậy là chúng ta dùng tâm phàm phu mà đo lường Phật Bồ Tát, cho rằng Phật Bồ Tát không khác gì so với chúng ta. Chúng ta không niệm các ngài, các ngài sẽ trách, chúng ta sẽ đắc tội với các ngài! Nếu tâm lượng của Phật Bồ Tát như vậy, các ngài sao có thể thành Phật? Nghĩ như vậy là xem thường Phật Bồ Tát. Chính tâm đó mới tạo tội nghiệp, là đại bất kính đối với Phật Bồ Tát.

Thậm chí không cần nói đến Phật, Bồ Tát mà chỉ cần nói đến các A La Hán vốn đã kiến tư phiền não đoạn. Dù chúng ta làm nhục hay sát hại A La Hán, A La Hán cũng tuyệt đối không giận, mà vẫn cứ yêu quý chúng ta, như vậy mới gọi là A La Hán. Nếu sân giận thì đó là yêu ma quỷ quái. Phật Bồ Tát, A La Hán tuyệt đối không giận nếu chúng sanh đắc tội với các ngài. Do đó cho rằng, trước đây niệm nhiều danh hiệu Phật Bồ Tát, bây giờ không niệm nữa, Phật Bồ Tát sẽ quả trách, giáng họa. Nghĩ vậy có khác nào xem Phật Bồ Tát là yêu ma quỷ quái. Thử nói xem tội chúng ta cỡ nào? Có tu hành công phu làm sao tiến bộ được?

Học Phật việc trước tiên phải rõ lý, làm sáng tỏ chân tướng sự thật. Chư Phật Bồ Tát đều khuyên niệm Phật A Di Đà. Phật Thích Ca Mâu Ni trong kinh Vô Lượng Thọ xưng tán Phật A Di Đà là "ánh sáng tột cùng, vua của chư Phật". Thế Tôn khen như vậy là thay mặt cho mười phương ba đời, tất cả chư Phật Như Lai khen ngợi. Không phải chỉ một mình ngài khen ngợi mà tất cả chư Phật Như Lai, tất cả Bồ Tát, đều khuyên chúng ta niệm Phật A Di Đà. Cho nên niệm Phật A Di Đà, thì tất cả chư Phật Như Lai đều hoan hỷ, tất cả Bồ Tát đều tán thán, vỗ tay chúc mừng. Chân tướng sự thật là như vậy, đáng tiếc nhiều người không hiểu thấu!

Cho nên, một pháp môn thì dễ dàng được định, định có thể khai huệ, huệ có thể trừ phiền não, việc tu học mới có thể thành tựu. Sự thù thắng của

pháp môn Tịnh Độ không có bất kỳ pháp môn nào sánh bằng. Thế Tôn dạy trong rất nhiều kinh điển, phàm phu từ lúc mới phát tâm tu hành mãi đến thành Phật, cần bao nhiêu thời gian? Ai cũng biết là ba đại A Tăng kỳ kiếp, nhưng người chân thật nghe hiểu được không nhiều. Ba đại A tăng kỳ kiếp bắt đầu tính từ lúc nào? Tính từ khi mới phát tâm. Ngày nay chúng ta tu hành có tính không? Không tính! Vì chúng ta chưa phát tâm, khởi tâm động niệm vẫn là tự tư tự lợi, chưa phát tâm. Phát tâm là phát tâm Bồ Đề! Khi tâm Bồ Đề vừa phát là đạt quả vị viên giáo sơ trụ Bồ Tát.

A La Hán, Bích Chi Phật còn chưa phát tâm Bồ Đề. Quyền giáo Bồ Tát, bốn giáo của tông Thiên Thai dạy chúng ta, Phật của Tạng giáo, Phật Bồ Tát của thông giáo còn chưa phát tâm Bồ Đề. Vậy tâm Bồ đề đích thực được phát bởi hạng người nào? Đó là viên giáo sơ trụ Bồ Tát. Phát tâm Bồ Đề mới vượt qua mười pháp giới, đến pháp giới nhất chân. Từ đó cho thấy, ba đại A Tăng Kỳ kiếp chỉ viên giáo sơ trụ Bồ Tát là đối tượng chính. Họ sơ phát tâm, cho nên sơ trụ gọi là phát tâm trụ. Đọc kinh Hoa Nghiêm phải nên đọc đến phát tâm trụ. Bồ Tát sơ trụ đến quả vị Phật, tổng cộng bốn mươi hai cấp bậc, qua ba đại A Tăng Kỳ Kiếp mới có thể hoàn thành. Điều này đức Phật nói rất rõ ràng.

- A tăng Kỳ Kiếp thứ nhất là hoàn thành ba mươi cấp bậc: thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, còn gọi là Tam hiền.
- A tăng kỳ kiếp thứ hai là tu bảy cấp bậc: từ sơ địa đến thất địa.
- A tăng kỳ kiếp thứ ba là tu ba cấp bậc: Bát địa, Cửu địa, Thập địa

Tu hành chứng quả không dễ dàng. Những gì chúng ta đã tu ngày nay không tính. Nếu tính từ phàm phu trong lục đạo, mười pháp giới thì thời gian tu hành tổng cộng là vô lượng kiếp như kinh Hoa Nghiêm đã nói, làm sao có thể nói chỉ cần ba A tăng kỳ kiếp? cho dù tu vô lượng vô biên pháp môn cũng không ngoại lệ. Hiểu rõ hết những điều này, chúng ta mới nhận thấy sự thù thắng của Tịnh Độ, mới biết mình trong đời này gặp được pháp môn Tịnh Độ là rất hy hữu, quý báu vô cùng.

Pháp môn Tịnh Độ

Pháp môn Tịnh Độ mang theo nghiệp vãng sinh. Chúng ta trong thế gian có vô lượng nghiệp chướng, chủng tử tập nghiệp, muốn vượt qua sáu đường, vượt qua mười pháp giới, cũng không nên gấp gáp mà có thể mang theo cả nghiệp, có thể không cần dứt phiền não, chỉ cần chuyên tâm niệm Phật A Di Đà. Được sự gia trì theo bốn nguyện của Ngài, chúng ta có thể vãng sanh

đến thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là nơi phàm thánh đồng cư, hạ hạ phẩm vãng sanh, không những nhờ sự gia trì của Phật lực mà còn nhờ “Mười hai kiếp hoa khai kiến Phật” của chúng ta.

Quán Kinh nói “Mười hai kiếp hoa khai kiến Phật”, hoa khai kiến Phật là quả vị Viên Sơ Trụ, tức quả vị của phát tâm Bồ Đề. Chỉ cần mười hai kiếp là tâm Bồ Đề của chúng ta đã phát. Nếu không đến thế giới Tây Phương Cực Lạc mà ở thế giới này, chúng ta vô lượng kiếp, tâm Bồ Đề không thể phát được. Đến chỗ ngài mười hai kiếp là có thể phát tâm Bồ Đề. Sự chênh lệch quá lớn nếu đưa ra so sánh, đó là chưa kể sự gia trì của Phật lực. Tu hành trong môi trường Tây phương cực lạc hiệu quả thù thắng như vậy, từ vô lượng kiếp rút ngắn còn mười hai kiếp. Nhưng trên thực tế không có người nào vãng sanh mà không được uy thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Khi có Phật lực gia trì, không cần mười hai kiếp. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta liền làm Phật, tướng mạo dung nhan như Phật. Nguyên thứ bốn mươi tám nói rất rõ, mười phương thế giới chúng sinh đến Tây Phương cực lạc đều là sắc thân Tử Ma vàng ròng, thể chất cơ thể giống như Phật A Di Đà; người vãng sanh về Tây Phương Cực lạc có tướng mạo hoàn toàn giống như Phật A Di Đà, không thành Phật, tướng mạo chúng ta làm sao có thể giống như Ngài được? Đức Phật A Di Đà đã phát nguyện thứ bốn mươi tám, nếu có một nguyện chưa thực hiện thì ngài không thể thành Phật.

Thế Tôn dạy chúng ta, Phật A Di Đà thành Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đã mười kiếp. Nói cách khác, đại nguyện mà ngài đã phát, mỗi nguyện đều đã hiện thực. Chúng ta niệm Phật tu học Tịnh Độ, phải lấy nguyện thứ bốn mươi tám của Phật A Di Đà làm căn bản. Nếu tương ứng với bản nguyện, chúng ta nhất định phải tin. Còn không tương ứng với bản nguyện, chúng ta có thể không tin. Xem thật kỹ kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối, sẽ phát hiện mỗi câu mỗi chữ đều không rời bốn mươi tám nguyện. Hay nói cách khác, kinh Vô Lượng Thọ là thuyết minh bốn mươi tám nguyện. Chúng ta có thể tin được vì đây là pháp môn hy hữu khó gặp nên thực tập đến không nghi ngờ, không xen tạp.

Thế gian tu hành sợ nhất là xen tạp, quyển Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát nói, ngài dạy người tu hành kiêng kỵ nhất là xen tạp. Tụng kinh xen tạp, niệm chú xen tạp. Nếu tu Tịnh Độ, khóa tụng mỗi ngày đọc kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà, rồi đọc kinh Quán Vô Lượng Thọ,... như vậy là xen tạp. Thực tế chỉ cần một loại là đủ. Kinh điển của Tịnh Độ còn không nên xen tạp, huống hồ những kinh điển khác càng thêm hư việc.

Tụng kinh Kim Cang còn muốn tụng thêm kinh Địa Tạng, Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đọc chú Lăng Nghiêm, niệm Đại Bi Thập Tiểu Chú, v.v... xen tạp nhiều như vậy, phỏng đến khi nào mới được thành tựu?

Nhiều ý kiến cho rằng, đây là khóa tụng gốc của tổ sư đặt ra. Không sai. Khóa tụng gốc của tổ sư đặt, nhưng có phải tổ sư đặt cho chúng ta không? Tổ sư không đặt cho chúng ta mà đặt cho người khác. Cũng giống như thầy thuốc kê toa, toa thuốc của người khác, chúng ta bị bệnh, liệu có dám uống toa của bệnh nhân khác không? Tổ sư là người của thời đại nào? trong bối cảnh nào? Các ngài đặt ra khóa tụng này, chúng ta phải hiểu được. Pháp là thuốc trị bệnh chúng sinh, chúng ta phải xem kỹ càng phương pháp này có hợp với thể cơ không? có thể trị được bệnh của mình không? Và bệnh của mình là gì?. Bệnh chúng ta là vọng tưởng, tạp niệm, phiền não. Nếu phương pháp này có thật hiệu quả, phiền não dứt sạch, trí tuệ khai mở thì cứ giữ khóa tụng gốc. Còn tụng niệm nhiều năm mà phiền não mỗi ngày tăng trưởng, trí tuệ không mở, không được giác ngộ, giống như bị bệnh lâu năm, uống thuốc không hiệu quả thì phải xem xét lại phương pháp tu học của mình. Hãy thử quan sát thật tỉ mỉ, một bà cụ chỉ niệm thật thà chân thành một câu A Di Đà Phật, liên tục trong khoảng năm năm, bà cụ đứng vắng sanh, ngồi vắng sanh, biết được giờ chết, lại không bị bệnh, đó là hiệu quả thật. Chúng ta niệm nhiều năm nhưng vẫn kém xa họ.

Người ta sinh tử tự tại, còn chúng ta có cầm chắc đối với chuyện sinh tử không? Hiện tại vẫn chưa chắc chắn. Điều này cho thấy phương pháp nhiều người trong chúng ta đã tu học không có hiệu quả, vẫn không giác ngộ. Cho nên khóa tụng càng đơn giản càng tốt, càng đơn giản mới là pháp môn chân thật, pháp môn vi diệu. Kinh điển, chỉ một bộ là đủ, chỉ một bộ có thể thành Phật. Càng nhiều bộ chỉ e gây chướng ngại cho vắng sanh, điều này không thể không biết. Thịnh thoảng chúng ta xem một chút thì được, có thể giúp đỡ bản thân đoạn trừ nghi hoặc. Còn việc tu chính của mình dứt khoát chỉ là một bộ kinh, một pháp môn, quyết không xen tạp, không gián đoạn, thì công phu mới được đặc lực, mới có hiệu quả, hơn nữa hiệu quả vô cùng rõ rệt, tự mình biết, không cần phải hỏi người khác. Khi vọng niệm ít, tâm phân biệt giảm, chấp trước cũng nhạt đi, đây mới đúng là tu hành tiến bộ, tâm địa chúng ta trở nên tương đối bình tĩnh, tương đối ung dung, cũng tương đối có trí tuệ. Trước đây với người, với việc, với vật, cứ lộn xộn rối tung, bây giờ dần dần rõ ràng, không mơ hồ như trước, đó là dấu hiệu của tiến bộ. Trước đây đọc kinh không hiểu ý nghĩa, thấy người ta chú giải, thì luôn cho ý người ta giải sai, hiểu sai, bây giờ đọc kinh hiểu ý nghĩa, đọc chú

giải của đại đức xưa cũng hiểu được ý của họ, đó là hiện tượng của sự tiến bộ. Trước đây nhìn người không biết phân biệt người tốt người xấu, bây giờ dần dần phân biệt được. Trước đây tiếp xúc những sự việc tốt, hoặc giả không tốt, không thấy được, qua mấy năm, nhân quả của những sự việc này liền được tỏ bày, có thể nhìn ra, đây đều là hiệu quả hiện tiền tu học của chúng ta. Cho nên, tu học Phật pháp hiệu quả vô cùng.

Biên dịch: Vọng Tây cư sĩ

Biên tập: PT. Giác Minh Duyên

Giảng tại Viện Giáo Dục thị xã Đài Đông, tháng 02 - 1998